TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 5 - 2020
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đức Phượng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nay H'Chim
2. Ông Siu Tơ Lul

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Đoàn K, xã Ia P, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành D, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Đoàn K, xã Ia P, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2019, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Thành D được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2003 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Chư S, huyện Chư Sê. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, sau khi có đứa con thứ nhất vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, thường cãi vả, không đồng lòng nhất trí trong xây dựng gia đình. Anh D không tôn trọng vợ, không quan tâm con cái, anh D thường xuyên đi uống rượu và chơi bời cùng bạn bè. Chị cùng gia đình

nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh D không quan tâm, không từ bỏ để chí thú làm ăn, xây dựng gia đình hạnh phúc. Do vậy anh chị đã không sống chung từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Chị cảm thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Thành D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Nguyễn Thành D có 02 con chung là Nguyễn Thành Bảo C, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2007 và Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 08/03/2004. Chị yêu cầu được nuôi cả 02 cháu Châu và Diễm vì hiện tại cả hai cháu đều ở với chị. Anh D không chăm sóc gì cho hai con từ nhỏ đến nay. Do vậy chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con. Nay chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành D: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Thành D đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà anh D tiếp tục vắng mặt không có lý do, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì. Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành D vắng mặt không có lý do mặc dù đã được cán bộ Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh D không tham gia phiên tòa thể hiện thái độ không hợp tác, không tôn trọng pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 36, 39, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Thành D; Về con chung: Giao 02 cháu cháu Nguyễn Thành Bảo C, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2007 và Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 08/03/2004 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Về phần tài sản chung và nợ chung: Miễn xét; Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29 tháng 11 năm 2019, chị Nguyễn Thị Thu T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Thành D. Cùng với đơn khởi kiện chị T đã nộp kèm các tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện của chị T đầy đủ; Chị T và anh D đều cư trú tại thôn Đoàn K, xã Ia P, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Thành D đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 02 không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thành D là đúng theo quy định của Pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Thành D có đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2003 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Chư S, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, trên cơ sở tự nguyện không ai cưỡng ép hay ép buộc, cho nên Hội đồng xét xử xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Chị T cho rằng vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã phát sinh từ năm 2019 cho đến nay, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, không khí trong gia đình nặng nề có đôi khi vợ chồng xảy ra xô xát. Chị và anh D đã không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2019. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành D để mỗi người có cuộc sống riêng.

Do anh Nguyễn Thành D không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh D đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng không thể làm rõ những mâu thuẫn hôn nhân của anh chị như lời chị T đã trình bày. Việc anh D vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có ý thức hàn gắn những mâu thuẫn hôn nhân giữa anh Nguyễn Thành D và chị Nguyễn Thị Thu T. Mặt khác anh D và chị T từ tháng 8 năm 2019 đến nay đã không còn sống chung với nhau nữa.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, động viên chị Thủy rút đơn khởi kiện để quay về đoàn tụ với anh D nhưng chị T kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn mặc dù vắng mặt anh D. Do đó

căn cứ vào Điều 51, 58 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Thành D.

[3] Về con Chung:

Trong thời gian chung sống anh Nguyễn Thành D và chị Nguyễn Thị Thu T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành Bảo C, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2007 và Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 08/03/2004. Chị T có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu D và C.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh D và chị T không sống chung với nhau thì 02 cháu D và C ở cùng mẹ đồng thời 02 cháu D và C cũng có nguyện vọng ở với chị T. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D đến Tòa án làm việc nhưng anh D không đến Tòa án, không có lời khai về việc nuôi con do đó để đảm bảo điều kiện sống ổn định và phát triển toàn diện cần giao cháu Nguyễn Thành Bảo C, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2007 và Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 08/03/2004 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu giải quyết nên nên Hội đồng xét xử miễn xét;

[5] Về phần tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét;

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 36, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Thành D.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thành Bảo C, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2007 và Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 08/03/2004 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và về vay nợ: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung vào Công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0002xxx ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/5/2020), Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký và đóng dấu)

Vương Đức Phượng

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Uỷ ban nhân dân TT.Chư Sê;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê;
- Lưu hồ sơ.